TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2023/DS-PT
Ngày 30-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm của trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh B xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 387/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1; địa chỉ trụ sở: số B - B, đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Đặng Văn P – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 - Chi nhánh B, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Văn P: Ông Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1984 – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương

mại Cổ phần S1 - Chi nhánh B, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 09/2023/UQ-CNBD ngày 20/11/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Hải Q, sinh năm 1979; địa chỉ: số B, đường H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Thảo N, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, đường N, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Cháu Hoàng Hồng S, sinh năm 2007; địa chỉ: số C, đường N, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Hoàng Hồng S: Bà Đỗ Thị Thảo N, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, đường N, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Hoàng Hải Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 201900882072 ngày 24/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Hoàng Hải Q. Hạn mức cấp tín dụng là 2.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận của các bên được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Hoàng Hải Q đã ký giấy nhận nợ vào các ngày cụ thể như sau:

+ Ngày 28/12/2022, ký giấy nhận nợ LD2236200814 với số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng: bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ, lãi suất 13%/năm áp dụng cho 03 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 04 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng niêm yết tại thời điểm điều chỉnh + biên bộ 4%/năm. Định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; thời hạn cho vay 06 tháng.

+ Ngày 29/12/2022, ký giấy nhận nợ LD2236300385 với số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng: bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ, lãi suất 13%/ năm áp dụng cho 03 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 04 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng niêm yết tại thời điểm điều chỉnh + biên bộ 4%/năm. Định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; thời hạn cho vay 06 tháng.

Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Hoàng Hải Q tương ứng vào các ngày mà ông Hoàng Hải Q ký giấy nhận nợ trên.

Bên vay tiền bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản: Quyền sử dụng đất có diện tích 68,2m^2 thuộc thửa đất số 2271, tờ bản đồ số 73 tọa lạc tại khu phố T, phường T, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Hoàng Hải Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH896579, số vào sổ CS22901 ngày 30/01/2018 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ có diện tích xây dựng là 52,5m^2, diện tích sàn 118,5m^2.

Ngày 20/01/2021, ông Hoàng Hải Q và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản nêu trên theo Hợp đồng số 4704/TC, được công chứng số 001077, quyển số: 24 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C và việc thế chấp đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố D ngày 20/01/2021.

Ngày 25/01/2022, ông Hoàng Hải Q và Ngân hàng đã ký kết Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 4704/TC – 01, được công chứng số 001973, quyển số 01/2022 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng C.

Ngoài ra, căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/01/2022, Ngân hàng đã cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho ông Hoàng Hải Q là 100.000.000 đồng, dư nợ đến thời điểm hiện nay là 99.450.915 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Hải Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 47.409.667 đồng, trong đó tiền gốc là: 0 đồng, tiền lãi là: 47.409.667 đồng. Đến ngày 05/4/2023, ông Hoàng Hải Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 04/8/2023, ông Hoàng Hải Q còn nợ Ngân hàng số vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn cụ thể như sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 2.167.252.055 đồng, trong đó: nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 111.501.370 đồng; lãi quá hạn: 55.750.685 đồng.

- Khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/01/2022: dư nợ 99.450.915 đồng.

Tổng cộng: 2.266.702.970 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Hoàng Hải Q phải có trách nhiệm hoàn trả lại tiền vay gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 04/8/2023 đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng là 2.167.252.055 đồng và khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ là

99.450.915 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 05/8/2023 cho đến khi ông Q thanh toán hết các khoản nợ. Trường hợp không thanh toán được số tiền nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Hoàng Hải Q trình bày:

Ông Hoàng Hải Q thống nhất với trình bày của Ngân hàng về các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Hoàng Hải Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 04/8/2023 là: 2.167.252.055 đồng, trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 111.501.370 đồng; lãi quá hạn: 55.750.685 đồng và khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/01/2022: dư nợ 99.450.915 đồng. Ông Hoàng Hải Q đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay đang bị tạm giam nên không có khả năng trả nợ và đề nghị Ngân hàng cho ông Q thêm thời gian để trả tiền và giải chấp tài sản để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thảo N đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu Hoàng Hồng S trình bày:

Bà và ông Hoàng Hải Q chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn. Đến năm 2019, bà N và ông Q thuận tình ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung. Quá trình chung sống ông, bà có tạo lập được quyền sử dụng đất có diện tích 68,2m^2 thuộc thửa đất số 2271, tờ bản đồ số 73 tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS17718 ngày 13/4/2016. Đến năm 2018, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS22901 ngày 30/01/2018. Do ông Q có nhu cầu vay tiền ngân hàng nên ông Q và bà N có thỏa thuận bà N làm bản cam kết tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất trên là tài sản riêng của ông Q để ông Q vay ngân hàng. Do có cam kết tài sản riêng của bà N nên ông Q đứng vay ngân hàng và có trả trước cho bà N số tiền 500.000.000 đồng. Phần còn lại khi nào bán nhà và đất thì sẽ chia đôi, ông Q có trách nhiệm trả cho bà N ½ số tiền khi bán nhà. Vì vậy, ông Q, bà N không thỏa thuận cụ thể số tiền ông Q trả cho bà N là bao nhiêu.

Thời điểm ông Q và bà N mua đất, xây nhà thì con đang còn nhỏ nên không có công sức đóng góp, tôn tạo, sửa chữa gì. Tuy nhiên, sau khi ông Q thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì bà N có cải tạo lại 01 phòng ngủ để cho con trai Hoàng Hồng S ở cho có không gian riêng tư. Chi phí cải tạo này hết 50.000.000 đồng, nhưng thời điểm đó bà N không lưu lại hóa đơn, chứng từ nên không có để cung cấp cho Tòa án.

Để thực hiện thỏa thuận tài sản riêng nên ngày 03/7/2019, bà N có ký vào Văn bản cam kết về tài sản với nội dung: bà N cam kết quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH896579 (số vào sổ CS22901) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/01/2018 là tài sản riêng của

ông Hoàng Hải Q, bà N không có bất kỳ sự đóng góp nào cũng như không có bất kỳ quyền và nghĩa gì đối với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nêu trên. Vì vậy, ông Hoàng Hải Q là người duy nhất được nhân danh cá nhân thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nêu trên theo quy định của pháp luật. Văn bản cam kết này được Văn phòng C1, công chứng số 7330.

Bà Đỗ Thị Thảo N xác nhận chữ ký và chữ ghi họ và tên, dấu vân tay trong Văn bản cam kết về tài sản ngày 03/7/2019 là của bà N, do bà N tự nguyện cam kết, không bị ai ép buộc, lừa dối. Do đó, việc ông Hoàng Hải Q sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất trên để thế chấp ngân hàng để vay tiền thì khoản vay này là nợ riêng của ông Q, không liên quan đến bà N. Nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q trả tiền thì bà N không có ý kiến gì. Đối với cam kết của ông Q về việc sau này bán tài sản thì chia cho bà một nửa, đây là giao dịch riêng giữa bà với ông Q nên bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay trên phần diện tích đất tranh chấp chỉ có bà và con trai là Hoàng Hồng S đang sinh sống trên đất.

- *Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ*: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2271, tờ bản đồ số 73 có diện tích 68,2m^2 tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và các tài sản gắn liền trên quyền sử dụng đất gồm: nhà ở riêng lẻ loại 02 tầng có kết cấu: nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột, sàn bê tông cốt thép, trần thạch cao, tầng trệt có giấy dán tường trang trí, cầu thang bê tông cốt thép, bậc thang ốp đá hoa cương, tay vịn và lan can bằng gỗ, cửa kính + khung sắt, cửa kính khung nhôm, cửa gỗ, phía ngoài có cửa sắt cuốn, 01 đồng hồ nước, 01 đồng hồ điện kế chính. Ở tầng 02, bà N có xây thêm 01 phòng có diện tích 1,5m x 5m = 7,5m^2 có kết cấu nền gạch men, tường sơn nước có ốp gạch men lửng, trần thạch cao, mái tôn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đối với ông Hoàng Hải Q về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc ông Hoàng Hải Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 201900882072; giấy nhận nợ số LD2236200814 ngày 28/12/2022 và giấy nhận nợ số LD2236300385 ngày 29/12/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/01/2022 tính đến ngày 04/8/2023 với tổng số tiền 2.266.702.970 đồng (hai tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), lãi trong hạn là 111.501.370 đồng (một trăm mười một triệu năm trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng); lãi quá hạn là 55.750.685 đồng (năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng); dư nợ thẻ tín dụng là 99.450.915 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng).

- Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 05/8/2023 cho đến khi ông Hoàng Hải Q trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 201900882072; giấy nhận nợ số LD2236200814 ngày 28/12/2022 và Giấy nhận nợ số LD2236300385 ngày 29/12/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/01/2022.

2. Trường hợp ông Hoàng Hải Q không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông Hoàng Hải Q, bà Đỗ Thị Thảo N và cháu Hoàng Hồng S (do bà Đỗ Thị Thảo N là người đại diện hợp pháp) phải giao tài sản thế chấp để Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2271, tờ bản đồ số 73 với diện tích 68,2m^2 tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH896579, số vào sổ CS22901 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/01/2018 cho ông Hoàng Hải Q và các tài sản gắn liền trên quyền sử dụng đất gồm: Nhà ở riêng lẻ loại 02 tầng có kết cấu: nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột, sàn bê tông cốt thép, trần thạch cao, tầng trệt có giấy dán tường trang trí, cầu thang bê tông cốt thép, bậc thang ốp đá hoa cương, tay vịn và lan can bằng gỗ, cửa kính + khung sắt, cửa kính khung nhôm, cửa gỗ, phía ngoài có cửa sắt cuốn, 01 đồng hồ nước, 01 đồng hồ điện kế chính. Giá trị đối với 01 phòng ngủ (ở tầng 02) có diện tích 1,5m x 5m = 7,5m^2 có kết cấu nền gạch men, tường sơn nước có ốp gạch men lửng, trần thạch cao, mái tôn được thanh toán lại cho bà Đỗ Thị Thảo N tại thời điểm phát mãi.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Hoàng Hải Q phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/8/2023, bị đơn ông Hoàng Hải Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; ngày 30/8/2023, ông Q có đơn sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo. Theo nội dung đơn kháng cáo và đơn sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo, ông Q yêu cầu sửa bản án sơ thẩm để ông Hoàng Hải Q được thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Q xác định, ông đồng ý với quyết định của bản sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, ông kháng cáo để yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 cho ông thời gian 06 tháng, ông gặp người nhà trao đổi và làm các thủ tục cần thiết, từ đó có phương án thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng để Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm vì căn nhà có trên đất thế chấp là nơi ở duy nhất của vợ con ông. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 không đồng ý với thời hạn 06 tháng mà ông Q đưa ra. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử là có có căn cứ, bị đơn ông Hoàng Hải Q kháng cáo đề nghị nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 cho ông Q thời hạn 06 tháng để ông Q thanh toán số nợ nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 không đồng ý nên kháng cáo của ông Q là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên án tại phần số 2 của quyết định bản án sơ thẩm vì tuyên như trên là không đảm bảo thi hành án, sửa lại ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu Hoàng Hồng S là bà Đỗ Thị Thảo N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Hải Q thống nhất toàn bộ với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q xác định thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng ông Q kháng cáo yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 cho ông Q thời gian 06 tháng để thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo của ông Q.

[3] Xét thấy, bị đơn ông Hoàng Hải Q yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 cho ông Q thời hạn 06 tháng để thanh toán nợ cho nguyên đơn nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 không đồng ý với đề nghị của ông Q đưa ra nên kháng cáo của ông Q là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của ông Q là phù hợp. Đối với đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên án tại phần số 2 của quyết định bản án sơ thẩm là không có căn cứ vì đương sự không kháng cáo và Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử lý tài sản bảo đảm phù hợp theo quy định nên đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là không phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Hoàng Hải Q.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Hoàng Hải Q phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006837 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết